BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
--------	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm 2020*

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ BỔ NHIỆM, XẾP LƯƠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương giáo viên trung học cơ sở công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trung học cơ sở công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với cán bộ quản lý (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc), giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục trung học cơ sở (sau đây gọi chung là giáo viên trung học cơ sở) trong các trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt công lập (sau đây gọi chung là trường trung học cơ sở công lập).

3. Các trường trung học cơ sở tư thục có thể vận dụng quy định tại Thông tư này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên.

Điều 2. Mã số, hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở

1. Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở bao gồm:

a) Giáo viên trung học cơ sở hạng III - (mã số do Bộ Nội vụ cấp);

b) Giáo viên trung học cơ sở hạng II - (mã số do Bộ Nội vụ cấp);

c) Giáo viên trung học cơ sở hạng I - (mã số do Bộ Nội vụ cấp).

2. Đối với giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019 (bao gồm giáo viên thuộc đối tượng thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo và giáo viên không thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn được đào tạo) thì giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng IV - (mã số do Bộ Nội vụ cấp).

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 3: Giáo viên trung học cơ sở hạng IV - Mã số: …...

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của môn học được phân công và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn theo mục tiêu, chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở;

b) Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục;

c) Sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh;

d) Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ theo quy định;

đ) Tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh của lớp được phân công;

e) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh;

g) Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; tham gia nghiên cứu khoa học; thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong phạm vi được phân công; tham gia tổ chức các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có);

h) Hoàn thành các khóa đào tạo, chương trình bồi dưỡng theo quy định; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

a) Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

b) Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh;

c) Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp;

d) Thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Là giáo viên có trình độ đào tạo chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019;

b) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao;

b) Có khả năng xây dựng được kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

c) Có khả năng áp dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh; ứng dụng được công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học và giáo dục;

d) Sử dụng được các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; ứng dụng được công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm tra, đánh giá;

đ) Có khả năng tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh; lồng ghép các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp vào trong hoạt động dạy học và giáo dục;

e) Xây dựng được mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

g) Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

Điều 4. Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số …….

1. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch giáo dục của môn học được phân công và tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ bộ môn theo mục tiêu, chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở;

b) Dạy học và giáo dục theo chương trình, kế hoạch giáo dục;

c) Sử dụng các phương pháp dạy học, giáo dục theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh;

d) Thực hiện các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ theo quy định;

đ) Tổ chức các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh và cha mẹ học sinh của lớp được phân công;

e) Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh;

g) Tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; tham gia nghiên cứu khoa học; thực hiện công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong phạm vi được phân công; tham gia tổ chức các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có);

h) Hoàn thành các khóa đào tạo, chương trình bồi dưỡng theo quy định; tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công.

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

a) Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

b) Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh;

c) Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp;

d) Thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên hoặc bằng cử nhân các chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy kèm theo chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở và triển khai thực hiện vào nhiệm vụ được giao;

b) Có khả năng xây dựng được kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

c) Có khả năng áp dụng có hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tích cực hóa hoạt động của học sinh; ứng dụng được công nghệ thông tin trong hoạt động dạy học và giáo dục;

d) Sử dụng được các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; ứng dụng được công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm tra, đánh giá;

đ) Có khả năng tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh; lồng ghép các hoạt động tư vấn tâm lý, hướng nghiệp vào trong hoạt động dạy học và giáo dục;

e) Xây dựng được mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

g) Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

Điều 5. Giáo viên trung học cơ sở hạng II - Mã số …….

1. Nhiệm vụ

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên trung học cơ sở hạng III, giáo viên trung học cơ sở hạng II phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên từ cấp trường trở lên hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp, công nghệ mới; chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn hoặc tham gia xây dựng học liệu điện tử;

b) Tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp trường trở lên;

c) Tham gia bồi dưỡng học sinh năng khiếu hoặc phụ đạo học sinh yếu kém; hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm (nếu có);

d) Tham gia các hoạt động xã hội, phục vụ cộng đồng; thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

đ) Tham gia đánh giá ngoài hoặc công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp trường trở lên;

e) Tham gia ban giám khảo hoặc ban ra đề hoặc người hướng dẫn trong các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp trường trở lên (nếu có).

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp:

Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở hạng III, giáo viên trung học cơ sở hạng II phải luôn luôn gương mẫu trong thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên hoặc bằng cử nhân các chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy kèm theo chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở, triển khai thực hiện có kết quả vào nhiệm vụ được giao;

b) Có khả năng điều chỉnh linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

c) Chủ động cập nhật và có khả năng vận dụng linh hoạt, hiệu quả các phương pháp, công nghệ dạy học và giáo dục đáp ứng mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

d) Chủ động cập nhật và có khả năng vận dụng sáng tạo các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

đ) Có khả năng vận dụng có hiệu quả các biện pháp tư vấn tâm lý, hướng nghiệp phù hợp với từng đối tượng học sinh trong hoạt động dạy học và giáo dục;

e) Chủ động, tích cực tạo dựng mối quan hệ hợp tác lành mạnh, tin tưởng với cha mẹ học sinh, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

g) Chủ động nghiên cứu và có khả năng cập nhật kịp thời các yêu cầu mới về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng vận dụng sáng tạo, phù hợp, có hiệu quả các hình thức nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân;

h) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc bằng khen, giấy khen từ cấp huyện trở lên hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, giáo viên tổng phụ trách đội giỏi từ cấp trường trở lên;

i) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III (bao gồm cả thời gian giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở nếu có) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên, không kể thời gian tập sự. Đối với các chức danh tương đương thì phải có ít nhất 01 (một) năm giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III.

Điều 6. Giáo viên trung học cơ sở hạng I - Mã số ……

1. Nhiệm vụ

Ngoài những nhiệm vụ của giáo viên trung học cơ sở hạng II, giáo viên trung học cơ sở hạng I phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Tham gia biên soạn hoặc thẩm định hoặc lựa chọn sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương hoặc các tài liệu dạy học khác và tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên;

b) Làm báo cáo viên, chia sẻ kinh nghiệm hoặc dạy minh họa ở các lớp tập huấn, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên từ cấp huyện trở lên hoặc tham gia dạy học trên truyền hình;

c) Chủ trì triển khai, hướng dẫn đồng nghiệp triển khai các chủ trương, nội dung đổi mới của ngành;

d) Tham gia đánh giá ngoài hoặc công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên từ cấp huyện trở lên; tham gia đánh giá hoặc hướng dẫn các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ từ cấp huyện trở lên;

đ) Tham gia ban tổ chức hoặc ban giám khảo hoặc ban ra đề trong các hội thi (của giáo viên hoặc học sinh) từ cấp huyện trở lên (nếu có).

2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp:

Ngoài các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở hạng II và hạng III, giáo viên trung học cơ sở hạng I phải là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo và vận động, hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo.

3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng thạc sĩ trở lên chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với môn học giảng dạy;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc trình độ tương đương trở lên theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I.

4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Tích cực, chủ động thực hiện và tuyên truyền, vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở vào nhiệm vụ được giao;

b) Có khả năng thực hiện và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

c) Có khả năng thực hiện và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc vận dụng phương pháp, công nghệ dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương;

d) Vận dụng và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc sử dụng các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

đ) Vận dụng và hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc triển khai có hiệu quả các biện pháp tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh, cách lồng ghép trong hoạt động dạy học và giáo dục;

e) Có khả năng đề xuất với nhà trường các biện pháp tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục học sinh;

g) Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm về phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

h) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc bằng khen từ cấp tỉnh trở lên hoặc được công nhận đạt một trong các danh hiệu: giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, giáo viên tổng phụ trách đội giỏi từ cấp huyện trở lên;

i) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (bao gồm cả thời gian giữ ngạch giáo viên trung học cơ sở chính nếu có) hoặc tương đương đủ từ 06 (sáu) năm trở lên, không kể thời gian tập sự. Đối với các chức danh tương đương thì phải có ít nhất 01 (một) năm giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II.

Chương III

HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trung học cơ sở

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm đang đảm nhận, đạt tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Khi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở không được kết hợp thăng hạng chức danh nghề nghiệp và nâng bậc lương.

3. Không căn cứ trình độ đào tạo để bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn hạng chức danh nghề nghiệp đã trúng tuyển đối với giáo viên mới được tuyển dụng.

Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV) nay được bổ nhiệm vào các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư này như sau:

a) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III đối với giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng III theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này;

b) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II đối với giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng II theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này; Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III đối với giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng II theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

c) Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I đối với giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10) nếu đạt các tiêu chuẩn của hạng I theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này; Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II đối với giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số V.07.04.10) chưa đạt các tiêu chuẩn của hạng I theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng IV đối với giáo viên chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên trung học cơ sở.

3. Giáo viên mới được tuyển dụng sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu thì được bổ nhiệm vào đúng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở được tuyển dụng.

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 (từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98).

b) Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 (từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38);

c) Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 (từ hệ số lương 4,4 đến hệ số lương 6,78).

d) Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 (từ hệ số 2,10 đến hệ số lương 4,89).

2. Việc xếp lương khi bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp và thăng hạng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật về hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Trường hợp giáo viên đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II hoặc hạng I theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư này, nhưng hệ số lương thấp hơn hệ số lương khởi điểm của bảng lương quy định cho hạng thì vẫn bổ nhiệm vào hạng nhưng không thực hiện xếp lương mà vẫn hưởng hệ số lương và bảng lương đang hưởng cho đến thời điểm được hưởng hệ số ngang bằng với hệ số lương khởi điểm của bảng lương quy định cho hạng thì chuyển xếp vào bảng lương của hạng.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A đang được hưởng hệ số lương 3,66 bảng lương A1, Ông Nguyễn Văn A đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số …) quy định tại Thông tư này, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số …). Tuy nhiên, do mức chênh lệch giữa hệ số lương khởi điểm 4,00 của bảng lương A2.2 với hệ số lương hiện hưởng 3,66 là 0.34, lớn hơn mức chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở bảng lương hiện hưởng (0,33) nên ông Nguyễn Văn A vẫn hưởng hệ số 3,66 bảng lương A1. Thời điểm ông Nguyễn Văn A hưởng hệ số lương 3,99 theo quy định thì mới được xếp lương 4,00 bảng lương A2.2.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn B đang được hưởng hệ số lương 4,0 bảng lương A2.2, ông Nguyễn Văn B đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số …) quy định tại Thông tư này, được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng I (mã số …). Tuy nhiên, do mức chênh lệch giữa hệ số lương khởi điểm 4,40 của bảng lương A2.1 với hệ số lương hiện hưởng 4,0 là 0,4, lớn hơn mức chênh lệch hệ số lương giữa 2 bậc lương liền kề ở bảng lương hiện hưởng (0,34) nên ông Nguyễn Văn B vẫn hưởng hệ số 4,0 bảng lương A2.2. Thời điểm ông Nguyễn Văn B hưởng hệ số lương 4,34 theo quy định thì mới được xếp lương 4,40 bảng lương A2.1.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Điều khoản áp dụng

1. Giáo viên trung học giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV thuộc đối tượng nâng chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Nghị định số /2020/ NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, sau khi đạt trình độ chuẩn được đào tạo thì được bổ nhiệm vào hạng III mà không phải qua thi hoặc xét thăng hạng.

2. Những giáo viên thông qua kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp và đã được bổ nhiệm vào hạng II (mã số V.07.04.11) và hạng I (mã số V.07.04.10) nhưng do chưa đáp ứng tiêu chuẩn của hạng tương ứng trong Thông tư này thì sau khi đạt tiêu chuẩn của hạng tương ứng sẽ được bổ nhiệm vào hạng mà không phải qua thi hoặc xét thăng hạng.

3. Việc quy đổi tương đương về trình độ ngoại ngữ, tin học đối với các chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở như sau:

a) Những trường hợp được xác định là đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ hoặc không yêu cầu trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bao gồm: giáo viên có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam, 50 tuổi trở lên đối với nữ tính đến ngày 31/12 của năm được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp; giáo viên đang công tác tại vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền; giáo viên đang công tác tại trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền; giáo viên đang công tác tại các trường chuyên biệt có sử dụng ngôn ngữ kí hiệu, chữ nổi Braille giảng dạy cho người khuyết tật; giáo viên có bằng tốt nghiệp từ Thạc sĩ trở lên (đối với hạng I); có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên (đối với hạng II, hạng III) chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp từ Thạc sĩ trở lên (đối với hạng I); có bằng tốt nghiệp từ Đại học trở lên (đối với hạng II, hạng III) trở lên các chuyên ngành khác nhưng học tập tại nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

b) Những trường hợp được xác định là đủ điều kiện về trình độ tin học hoặc không yêu cầu trình độ tin học theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bao gồm: giáo viên có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến Tin học hoặc Công nghệ thông tin; giáo viên có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học ngành ghép 02 môn có môn tin như: Toán - Tin, Lí -Tin;

c) Việc quy đổi tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ khác với chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; việc quy đổi tương đương giữa các chứng

chỉ tin học khác với chứng chỉ tin học đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu có);

d) Việc chấp nhận và sử dụng chứng chỉ/chứng nhận nào để xác định trình độ ngoại ngữ, tin học của giáo viên trung học cơ sở hạng III, hạng II, hạng I và việc quy đổi liên thông giữa các chứng chỉ ngoại ngữ, tin học ngữ được thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Giáo viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV được công nhận là có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở của hạng tương ứng tại Thông tư này. Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hạng III quy định tại điểm d khoản 3 Điều 4 áp dụng đối với viên chức được tuyển dụng sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này là căn cứ để xác định vị trí việc làm, cơ cấu giáo viên và thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý giáo viên trung học cơ sở trong các trường trung học cơ sở công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Không thực hiện tuyển dụng giáo viên trung học cơ sở hạng IV (mã số…) quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này, chỉ thực hiện tuyển dụng đối với giáo viên trung học cơ sở từ hạng III trở lên.

2. Người đứng đầu các trường trung học cơ sở công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát Đề án vị trí việc làm, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học cơ sở trong trường trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học cơ sở;

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở; tạo điều kiện để giáo viên trung học cơ sở được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học cơ sở trong các trường trung học cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học cơ sở trong các trường trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

b) Quyết định hoặc phân cấp việc bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trung học cơ sở trong các trường trung học cơ sở công lập theo thẩm quyền;

c) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức là giáo viên trung học cơ sở trong các trường trung học cơ sở công lập thuộc phạm vi quản lý về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 12. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Ngọc Thưởng

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGDTTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Bộ trưởng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Các sở Giáo dục và Đào tạo;
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD (10 bản).